

## KHẢO SÁT MỨC ĐỘ THEO DÕI CÁC PHƯƠNG TIỆN TRUYỀN THÔNG ĐẠI CHÚNG Ở THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

TRẦN HỮU QUANG

Ngoài vai trò là một trung tâm kinh tế quan trọng của khu vực các tỉnh phía Nam và của cả nước, thành phố Hồ Chí Minh cũng đồng thời còn là một trung tâm thông tin và báo chí<sup>(1)</sup>. Có học giả còn cho rằng đây là trung tâm báo chí lớn nhất nước, tất nhiên là nếu chỉ xét về mặt báo in và gọi đây là một “*thành phố báo chí*” – nơi mà người dân có tập quán “nghiên” xem báo từ hàng trăm năm nay và truyền thống này đã đặc biệt được nâng lên một bước mới trong hơn 10 năm qua, song song với công cuộc đổi mới và phát triển đất nước<sup>(2)</sup>.

Trong sinh hoạt thường nhật của đô thị vừa tròn 300 tuổi này, người công nhân hay viên chức sáng ra thường có tập quán ghé sạp báo mua một hai tờ trước khi đi uống cà – phê hoặc ăn sáng rồi đi làm; người ta cũng thường xuyên bắt gặp cảnh người đạp xích lô, người sửa xe dọc đường hay người thợ hớt tóc mái mê ngồi xem báo trong lúc vắng khách, hay cảnh bà bán hàng tạp hóa ở chợ vừa giở một tờ báo vừa bàn tán huyên thuyên về điều gì đó vừa đọc trên báo với bạn hàng kế bên.... thành phố Hồ Chí Minh có một mạng lưới sạp báo ven đường khá dày đặc nằm rải rác tại các quận, huyện (thành phố hiện có khoảng 170 đại lý phát hành báo, khoảng 700 sạp báo cố định và vài ngàn điểm bán báo lẻ nhỏ hơn và ít cố định hơn), và một lực lượng hàng chục ngàn người bán báo dạo đông đảo, trong đó phần lớn là trẻ em, len lỏi khắp các hang cùng, ngõ hẻm để bán báo.

Nét độc đáo của thị trường báo chí ở thành phố này là ở chính *thói quen mua báo và đọc báo hàng ngày* của người dân. Nhiều tờ báo của thành phố đã có số phát hành vượt quá cái ngưỡng 100 ngàn bản mỗi kỳ. Tính tới tháng 10 – 1997, tờ nhật báo *Sài Gòn Giải phóng* của Đảng bộ thành phố đạt khoảng 120.000 tờ mỗi ngày. Tờ *Tuổi trẻ*, báo ra cách ngày (ba kỳ/tuần), thuộc Thành Đoàn thanh niên cộng sản Hồ Chí Minh, có số ấn bản nay lên tới 300.000 tờ mỗi kỳ. Tờ *Kiến thức* ngày nay ra ba kỳ mỗi tháng, đạt con số trên 100.000 bản/kỳ. Một tờ báo ra hàng tuần rất trẻ tuổi (mới ra đời hơn hai năm nay), khai phá một thể loại mới là nhằm vào đối tượng rộng rãi những người tiêu dùng, tờ *Sài Gòn tiếp thị*, cũng có lúc đạt 100.000 bản. Xét về số lượng ấn bản, hàng ngày các tờ báo ở thành phố Hồ Chí Minh

<sup>1</sup> Vai trò “trung tâm kinh tế” của thành phố Hồ Chí Minh đã được xác định từ lâu, còn vai trò “trung tâm thông tin” thì mới đây, trong Nghị quyết số 16/NQ-TW ngày 25 – 12 – 1997 về việc “tiếp tục nâng cao chất lượng và hiệu quả của báo chí thành phố” của Ban Thường vụ Thành ủy thành phố Hồ Chí Minh, cũng có đoạn nhắc đến thành phố Hồ Chí Minh với tư cách là “một trung tâm thông tin... của khu vực và của cả nước”.

<sup>2</sup> Trần Bạch Đằng, “Cảm nghĩ về báo chí thành phố Hồ Chí Minh năm 1996”. Đặc san Nghề báo của Hội Nhà báo thành phố Hồ Chí Minh, Xuân Đinh Sửu, 1997. Tr.3

in ấn và phát hành ra thị trường gần nửa triệu ấn bản, chiếm khoảng 1/3 trong tổng số ấn bản báo chí các loại của cả nước hàng ngày<sup>(3)</sup>.

Với một đội ngũ khoảng 800 người làm báo chuyên nghiệp (chưa kể hơn 200 nhà báo thuộc các báo, đài trung ương đóng tại thành phố), và khoảng gấp 10 lần con số đó là những người viết báo không chuyên hoặc các cộng tác viên, thành phố Hồ Chí Minh tính đến tháng 12 – 1997 có 40 đơn vị báo chí, trong đó có 37 đơn vị báo viết, một đài phát thanh, một đài truyền hình và một tạp chí bằng băng hình video, với tổng cộng 65 ấn phẩm báo in ở các thể loại khác nhau.

Nhằm mục tiêu nghiên cứu về ứng xử của các giới công chúng ở thành phố Hồ Chí Minh đối với ba phương tiện truyền thông đại chúng chủ yếu là báo in, truyền hình và phát thanh, xét trong mối quan hệ với yêu cầu phát triển đất nước trong thời kỳ đổi mới hiện nay, chúng tôi đã tiến hành vào tháng 9 – 1997 một cuộc điều tra nơi dân cư từ 16 tuổi trở lên tại 4 đơn vị phường và xã thuộc 4 quận, huyện của thành phố trong đó có 3 quận nội thành và 1 huyện ngoại thành. Bài viết sau đây sẽ sử dụng một phần kết quả của cuộc điều tra này để trước hết khảo sát về các mức độ đọc báo, xem truyền hình và nghe đài phát thanh của cư dân thành phố Hồ Chí Minh sau đó xem xét mối tương quan giữa các mức độ theo dõi ba phương tiện này, và cuối cùng so sánh những số liệu của cuộc điều tra này với một số cuộc điều tra trước đây để thử tìm hiểu động thái phát triển của từng phương tiện truyền thông đại chúng này qua nhận thức và thái độ các giới công chúng.

Do hạn chế của khuôn khổ bài viết này nên chúng tôi sẽ không đề cập tới tình hình người dân đọc gì, xem gì và nghe gì cũng như họ thường đọc những tờ báo nào và xem hay nghe những đài truyền hình phát thanh nào mà chỉ khảo sát chủ yếu về *mức độ theo dõi* ba phương tiện báo in, báo hình và báo nói mà thôi.

Cuộc điều tra này đã sử dụng kỹ thuật phỏng vấn bằng bảng hỏi, về chọn mẫu thì áp dụng phương pháp chọn mẫu điển hình, kết hợp giữa chọn phân tầng và chọn máy móc. Các đơn vị được điều tra bao gồm: phường Nguyễn Thái Bình (quận 1), phường 11 (quận Gò Vấp), phường 5 (quận 11) và xã Tân Tạo (huyện Bình Chánh). Tổng số mẫu điều tra là 697 người. Liên quan tới một số đặc điểm về mẫu điều tra: về giới tính, trong tổng số 679 người, có 49,7% là nam và 50,3% là nữ. Về tuổi tác, có 14,6% thuộc nhóm 16 – 20 tuổi, 28,7% nhóm 21 – 30 tuổi, 19,5% nhóm 31 – 40 tuổi, 26,4% nhóm 41 – 60 tuổi và 10,6% nhóm từ 61 tuổi trở lên. Về học vấn, 28,6% có trình độ cấp I, 27,1% cấp II, 29,7% cấp II, 12,1% Đại học và Cao đẳng và 1,6% còn mù chữ. Về nghề nghiệp, trong mẫu điều tra có 11,6% đang làm nghề

---

<sup>3</sup> Năm 1997, theo số liệu của Cục Thống kê thành phố Hồ Chí Minh, thành phố Hồ Chí Minh có tổng cộng 170,78 triệu ấn bản báo chí các loại, tức là bình quân 0,47 triệu ấn bản mỗi ngày. Còn trên phạm vi cả nước, theo ông Bùi Huy Lan, Vụ phó Vụ Báo chí, Bộ Văn hóa – Thông tin, mỗi ngày có khoảng 1,5 triệu ấn bản báo chí được in ấn và phát hành (xem *Kiến thức ngày nay*, số ra ngày 20 – 6 – 1997, trang 3).

và lao động chân tay tự do, 9,6% buôn bán nhỏ, 6,6% làm nông nghiệp, 13,9% nội trợ, 9,0% hưu trí, già yếu, 5,2% sinh viên và 6,7% học sinh.

### I. Mức độ đọc báo

Kết quả cuộc điều tra tháng 9 – 1997 cho biết là phần lớn cư dân trong mẫu điều tra đều trả lời là ít nhiều có đọc báo (khoảng 65%), riêng số có đọc báo hàng ngày chiếm 34% mẫu điều tra và số có đọc mỗi tuần vài lần là 25%.

*Bảng 1. Mức độ đọc báo của mẫu điều tra cư dân thành phố Hồ Chí Minh từ 16 tuổi trở lên, phân tổ theo địa bàn cư trú*

	Nội thành	Ngoại thành	Tổng cộng
- Có đọc hàng ngày	206 38,6	28 17,7	234 33,6
- Mỗi tuần vài lần	154 28,9	19 1,6	173 24,8
- Mỗi tháng vài lần	36 6,8	16 9,8	52 7,5
- Hầu như không	134 25,1	101 61,6	235 33,7
- Không trả lời	3 0,6	-	3 0,4
Tổng cộng	533 76,5	164 23,5	697 100,0

*Ghi chú:* Đối với các bảng được trình bày trong bày này, mỗi ô có hai con số: con số ở hàng trên là số lượng tuyệt đối, còn con số ở hàng dưới là tỷ lệ phần trăm (%) – tỷ lệ này được tính theo tổng cộng của mỗi cột.

Nguồn số liệu: Cuộc điều tra tháng 9 – 1997

Bảng 1 cho thấy có sự chênh lệch rất rõ giữa cư dân nội thành và cư dân ngoại thành: nếu có tới 68% những người được hỏi ở nội thành có đọc báo hàng ngày hoặc vài lần mỗi tuần thì con số này ở ngoại thành chỉ đạt 29%; đồng thời có tới 62% người được hỏi ở ngoại thành trả lời hầu như không đọc báo bao giờ, trong khi tỷ lệ này ở nội thành là 25%. Chúng ta biết là dân cư ở ngoại thành có trình độ học vấn bình quân thấp hơn so với nội thành, địa bàn cư trú vừa xa lại vừa phân tán mạng lưới phát hành báo lại rất mỏng, nên có ít người đọc báo thường xuyên cũng là điều dễ hiểu. Đơn vị điều tra ở ngoại thành trong cuộc điều tra này là xa Tân Tạo, chỉ cách xa khoảng 12 – 15 km so với trung tâm thành phố. Như vậy, nếu là ở những

vùng nông thôn xa xôi hẻo lánh hơn như ở vùng đồng bằng sông Cửu Long chẳng hạn, thì có lẽ tỷ lệ có đọc báo sẽ còn thấp hơn nữa.

Kết quả điều tra cũng cho biết là nam giới đọc báo hàng ngày nhiều hơn nữ giới (40% so với 28%) và ngược lại, số không đọc báo nơi nữ giới đông hơn nam giới (43% so với 24%).

Những người có trình độ học vấn cao hơn đọc báo thường xuyên hơn so với những người có học vấn thấp hơn: Tỷ lệ đọc báo hàng ngày là 69% nơi số người có trình độ đại học và cao đẳng, 47% nơi số người có trình độ học vấn cấp III, 27% nơi cấp II và chỉ có 14% nơi cấp I.

Phân theo nghề nghiệp, chúng ta thấy những người làm các nghề lao động trí óc và quản lý có tỷ lệ đọc báo hàng ngày cao nhất, 69% trong khi đó tỷ lệ này chỉ đạt 21% nơi công nhân, 28% nơi lao động tiểu thủ công nghiệp và lao động tự do, 25% nơi những người buôn bán nhỏ, và chỉ có 11% nơi những người làm nghề nông nghiệp. Riêng nơi sinh viên, học sinh thì có 43% có đọc báo hàng ngày.

Khi được hỏi về *nguồn báo* để đọc, những người có đọc báo trả lời cho biết là 55% thường mua báo lẻ tại các sạp báo, 13% đặt mua dài hạn, 11% mua từ người bán báo dạo, 12% đọc ở thư viện hoặc ở cơ quan, xí nghiệp, và có tới 27% là mượn đọc.

*Thời gian đọc báo bình quân hàng ngày* của mỗi người có đọc báo mà chúng tôi tính toán được qua kết quả điều tra là 39 phút, trong đó tập trung chủ yếu là nhóm 15 – 30 phút (28,1%) và nhóm 30 phút tới 1 giờ (25,5%). Còn nếu tính bình quân trên toàn bộ mẫu điều tra (tức là kể cả những người không đọc báo), thì thời gian đọc báo bình quân của mẫu điều tra cư dân thành phố Hồ Chí Minh từ 16 tuổi trở lên là 26 phút. (Tỷ lệ này ở Pháp vào năm 1990 là khoảng 30 phút<sup>4</sup>).

Phân tích theo các phân tổ, chúng ta thấy có những khác biệt rõ nét về thời gian đọc báo hàng ngày bình quân mỗi người giữa các khu vực dân cư đô thị và nông thôn (ở quận 1 là 33 phút/người, trong khi ở huyện Bình Chánh là 13 phút/người), giữa nam so với nữ, nam 30 phút/người, còn nữ là 22 phút/người), giữa các nhóm trình độ học vấn (43 phút/người nơi những người có trình độ Đại học, giảm dần cho đến 11 phút/người nơi những người có học vấn cấp I), cũng như giữa các nhóm nghề nghiệp (lao động trí óc và quản lý 37 phút/người. công nhân 21 phút/người, làm nông nghiệp 10 phút/người....).

---

<sup>4</sup> Isabelle Mandraud, Comment les Français lisent – ileurs journaux? In Jean – Marie Charon, L'état des medias, Paris, La Desdidiapouvoirs, CFPJ, 1991, tr.227

## II. Mức độ xem truyền hình

Cuộc điều tra 9 – 1997 cho biết có 70% cư dân từ 16 tuổi trở lên trong mẫu điều tra trả lời là có xem tivi hàng ngày, 14% xem mỗi tuần vài lần, 3% xem mỗi tháng vài lần và chỉ có 13% hầu như không xem.

*Bảng 2. Mức độ xem truyền hình nơi mẫu điều tra cư dân thành phố Hồ Chí Minh từ 16 tuổi trở lên, phân tổ theo địa bàn cư trú.*

	Nội thành	Ngoại thành	Tổng cộng
- Gần như hàng ngày	380	105	485
	71,3	64,0	69,6
- Mỗi tuần vài lần	75	25	100
	14,1	15,2	14,3
- Mỗi tháng vài lần	14	6	20
	2,6	3,7	2,9
- Hầu như không	60	28	88
	11,3	17,1	12,6
- Không trả lời	4	-	4
	0,8		0,6
Tổng cộng	533	164	697
	76,5	23,5	100,0

*Nguồn số liệu: Cuộc điều tra tháng 9 – 1997*

Bảng 2 cho biết là nhìn chung không có khác biệt gì lớn một cách đặc biệt về mức độ xem truyền hình giữa hai khu vực nội thành và ngoại thành. Mặt khác, nếu khảo sát chi báo này theo các phân tổ giới tính, tuổi tác, kể cả trình độ học vấn và nghề nghiệp thì chúng ta cũng có thể nhận thấy là hầu như cũng không có khác biệt gì đáng kể giữa các nhóm về tỷ lệ xem truyền hình.

Về thời lượng xem truyền hình của các cá nhân thì tập trung đông nhất là trong ba nhóm sau: nhóm xem từ 30 phút tới 1 giờ (chiếm 27% trong mẫu điều tra), từ 1 tới 2 giờ (35%) và 2 đến 3 giờ (14%). Bình quân mỗi người có xem truyền hình thường xem 89 phút, tức 1 giờ 29 phút mỗi ngày; cư dân nội thành và cư dân ngoại thành đều có mức bình quân này xấp xỉ ngang nhau, không có khác biệt đáng kể xét về mặt thời gian bỏ ra trước máy thu hình. Nếu tính bình quân trên toàn bộ mẫu điều tra những người từ 16 tuổi trở lên (tức là kể cả những người không xem) thì thời gian mỗi người dân thành phố dành ra để xem ti vi là 1 giờ 15 phút hàng ngày.

Nếu khảo sát theo các phân tổ giới tính, tuổi tác, học vấn và nghề nghiệp chúng ta cũng nhận thấy là không có chênh lệch gì lớn đáng kể như khi chúng ta khảo sát về thời lượng dành ra để đọc báo. Chúng ta có thể qua đây nhận định rằng việc xem truyền hình đã trở thành một sinh hoạt phổ biến đối với hầu hết các giới cư dân ở thành phố Hồ Chí Minh, bất luận nam phụ lão ấu, bất luận trình độ học vấn hay nghề nghiệp xã hội, kể cả nội thành và ngoại thành.

### III. Mức độ nghe đài phát thanh

Cuộc điều tra 9 – 1997 cho biết có 13% trả lời là có nghe radio hàng ngày, 13% có nghe vài lần mỗi tuần, trong đó người dân ngoại thành có tỷ lệ nghe hàng ngày tương đối nhiều hơn một chút so với cư dân nội thành (24% so với 9%).

*Bảng 3. Mức độ nghe radio nơi mẫu điều tra cư dân thành phố Hồ Chí Minh từ 18 tuổi trở lên, phân tổ theo địa bàn cư trú.*

	Nội thành	Ngoại thành	Tổng cộng
- Gần như hàng ngày	48	39	87
	9,0	23,8	12,5
- Mỗi tuần vài lần	71	19	90
	13,3	11,6	12,9
- Mỗi tháng vài lần	28	5	33
	5,3	3,0	4,7
- Hầu như không	385	100	485
	72,2	61,0	69,6
- Không trả lời	1	1	2
	0,2	0,6	0,3
Tổng cộng	533	164	697
	76,5	23,5	100,0

*Nguồn số liệu: Cuộc điều tra tháng 9 – 1997*

Bảng 3 cho thấy cư dân ngoại thành có tỷ lệ có nghe radio là 39%, cao hơn so với tỷ lệ 27% nơi cư dân ở nội thành. Riêng số có nghe radio hàng ngày là 24% ở ngoại thành, trong khi ở nội thành, con số này chỉ đạt 9%.

Việc phân tổ theo các nhóm giới tính, độ tuổi, trình độ học vấn cũng như nghề nghiệp đều cho thấy là hầu như không có gì khác biệt đáng kể về mức độ nghe đài phát thanh giữa các nhóm xã hội này, ngoại trừ nhóm những người làm nông nghiệp (ở nông thôn) thì có tỷ lệ nghe radio hàng ngày (22%) tương đối cao hơn các nhóm nghề nghiệp khác.

Số liệu kết quả điều tra cũng cho biết bình quân một người có nghe radio thường nghe 43phút/ngày. Còn nếu tính bình quân mỗi người trên toàn bộ mẫu điều tra thì con số này là 13phút/ngày, trong đó ở ngoại thành là 18 phút/ngày và ở nội thành là 11 phút/ngày.

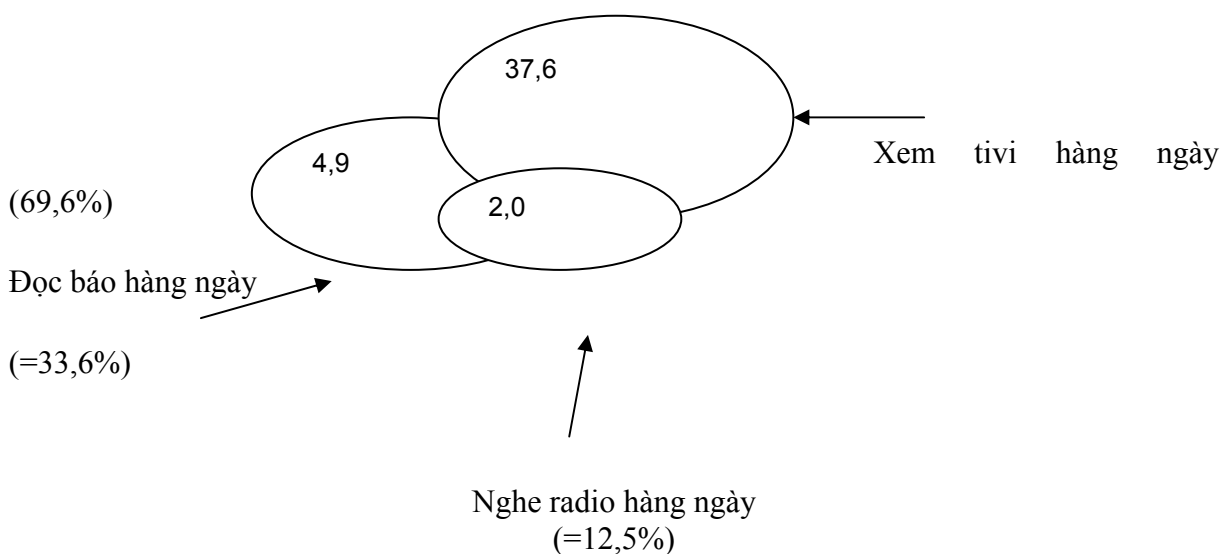
#### IV. Tương quan giữa ba việc đọc báo, xem ti vi và nghe radio

Kết quả cuộc điều tra 9 – 1997 đã cho chúng ta thấy là trong tổng số mẫu điều tra, có 34% người có đọc báo hàng ngày, 70% coi truyền hình hàng ngày và chỉ có 13% nghe đài phát thanh hàng ngày.

Chúng tôi đã xử lý tổng hợp cả ba chỉ báo trên để xem xét mối quan hệ đan xen giữa các nhóm người theo dõi hàng ngày ba phương tiện báo chí, truyền hình và phát thanh. Kết quả xử lý cho biết có 77% mẫu điều tra có theo dõi hàng ngày ít nhất một lần trong ba phương tiện truyền thông đại chúng này (xin coi sơ đồ 1).

Sơ đồ 1. Tỷ lệ những người theo dõi hàng ngày báo chí, tivi và radio xét trong mối tương quan giữa ba phương tiện này với nhau.

(Đơn vị: % tỷ lệ này được tính trên tổng số mẫu điều tra)



người có theo dõi phương tiện

76,9%

Nguồn số liệu: Cuộc điều tra tháng 9 – 1997

Sơ đồ 1 cho thấy rõ là hiện nay, vô tuyến truyền hình đã trở thành một phương tiện truyền thông phổ biến với tỷ lệ áp đảo trong cư dân thành phố. Nhóm những người chỉ xem truyền hình hàng ngày chiếm tỷ lệ cao nhất (70%), trong khi đó phần lớn những người có đọc báo hàng ngày lẫn những người có nghe radio hàng ngày cũng đều có xem truyền hình hàng ngày.



Còn nhóm những người chỉ đọc báo hàng ngày hoặc nhóm chỉ nghe radio hàng ngày đều chiếm tỷ lệ khá ít (các tỷ lệ tương ứng là 5% và 2%). Cũng đáng ghi nhận trong số đó này là chỉ có 6% theo dõi hàng ngày cả ba phương tiện báo in, tivi và radio.

Nếu tính chung cả số người theo dõi ba phương tiện truyền thông đại chúng này “hàng ngày” lẫn “mỗi tuần vài lần”, thì tỉ lệ này lên tới 89% trong mẫu điều tra. Nói cách khác, qua kết quả điều tra này, chúng ta có thể nhận định rằng hiện nay, đại đa số người dân thành phố đều có tiếp xúc khá thường xuyên với các phương tiện thông tin đại chúng.

Vậy có ai hoàn toàn không theo dõi bất cứ phương tiện truyền thông đại chúng nào hay không? Kết quả xử lý thống kê cho biết là có. Và tỷ lệ này chiếm 10,0% trong tổng số mẫu điều tra. Số người này hầu như hoàn toàn không đọc báo, không nghe radio mà cũng không coi tivi.

Xử lý thống kê theo các phân tổ về đặc điểm nhân khẩu để tìm hiểu coi nhóm này gồm những thành phần nào là chính, chúng tôi nhận thấy là khá đông là cư dân ngoại thành (chiếm 34% trong số này); mặt khác nhiều người trong đó là người Hoa (chiếm 43% trong số này), nhiều người lớn tuổi không biết đọc tiếng Việt hoặc nếu có thì đọc kém. Trong tổng số nhóm không theo dõi gì hết này, về giới tính, có 63% là nữ; còn về trình độ học vấn có tới 60% là ở cấp I, và 20% ở cấp II, còn mù chữ thì 7%. Rõ ràng là những biến số vừa kể đều là những nhân tố có tác động dẫn đến tình trạng không tiếp xúc với các phương tiện truyền thông đại chúng.

Đến đây, một câu hỏi khác có thể được đặt ra là: liệu có tác động hay ảnh hưởng gì lẫn nhau hay không giữa các mức độ theo dõi ba phương tiện thông tin đại chúng này nơi dân cư thành phố? Giả thuyết của chúng tôi ở đây là có: cũng tương tự như xu hướng chung ở các nước khác, sự phát triển khá mạnh của phương tiện vô tuyến truyền hình trong những năm gần đây có làm giảm đi phần nào mức độ đọc báo và nhất là mức độ nghe đài phát thanh nơi công chúng ở thành phố Hồ Chí Minh.

#### **V. Diễn biến của các mức độ theo dõi báo in, tivi và radio trong những năm gần đây.**

Khi so sánh với thời kỳ trước khi đất nước bước vào công cuộc đổi mới kinh tế - xã hội (năm 1986) tức là cách đây hơn 10 năm, qua cuộc điều tra tháng 9 – 1997, 66% những người được hỏi cho biết là họ có xem truyền hình nhiều hơn; còn đối với báo in thì có tỷ lệ ít hơn, 47% cho biết có đọc báo nhiều hơn và chỉ có 17% trả lời là có nghe đài phát thanh nhiều hơn trước. Chúng ta biết là trong hơn 10 năm qua, hầu hết các báo, đài ở thành phố đều có những nỗ lực rất lớn để không ngừng đổi mới nhằm thỏa mãn những nhu cầu ngày càng phong phú và đa dạng của các tầng lớp xã hội, đồng thời nhằm đáp ứng những yêu cầu ngày càng cao và sôi nổi của quá trình phát triển kinh tế và xã hội của đất nước. Thế nhưng, số liệu điều tra cho thấy một thực tế là ở thành phố Hồ Chí Minh truyền hình đang thu hút công chúng mạnh hơn



so với các phương tiện báo in và phát thanh. Trong khi đó, xét về mức độ trang bị, thì vào năm 1997 theo số liệu điều tra của Cục Thống kê thành phố Hồ Chí Minh toàn thành có 87,5% hộ có tivi (nội thành 91,8% và ngoại thành 80,9%), và có 80,3% hộ có radio cat-xet (nội thành 83,2% và ngoại thành 74,2%).

Chúng ta hãy so sánh về chỉ tiêu số người đọc báo, xem truyền hình và nghe radio riêng nơi cư dân nội thành của cuộc điều tra năm 1997 này với những số liệu tương ứng của hai cuộc điều tra khác cũng ở nội thành vào năm 1989 và 1993.

Trước hết về báo in chúng ta nhận thấy là tỷ lệ những người có đọc báo hàng ngày và mỗi tuần vài lần hầu như không thay đổi bao nhiêu, tuy là có vẻ giảm một ít: số người dân nội thành có đọc báo hàng ngày năm 1997 là 39% trong khi tỷ lệ này là 43% vào năm 1989. Tuy nhiên, điều cũng đáng lưu tâm là khi phân tổ theo các tầng lớp nghề nghiệp, chúng tôi nhận thấy rằng *xu hướng đọc báo ít đi chỉ diễn ra chủ yếu nơi các thành phần lao động chân tay nhiều hơn là nơi các thành phần lao động trí óc*. Chẳng hạn, nhóm công nhân (xí nghiệp công nghiệp) có tỷ lệ đọc báo hàng ngày là 41% theo cuộc điều tra năm 1989 và tỷ lệ này chỉ đạt 21% vào cuộc điều tra năm 1997. Trong khi đó, ở nhóm trí thức (lao động trí óc) thì tỷ lệ này là 61% vào năm 1989, nhưng đến năm 1997 thì lại tăng lên tới 77%.

Nhưng đối với *phương tiện phát thanh thì phương hướng sụt giảm* diễn ra khá rõ rệt. Tỷ lệ người dân nội thành có nghe radio hàng ngày, từ 40% năm 1989 giảm đi còn 27% năm 1993 và xuống chỉ còn 9% vào năm 1997.

Trong khi đó, đối với *truyền hình*, điều đáng chú ý là ngược lại với việc nghe radio tỷ lệ dân nội thành có xem tivi hàng ngày lại gia tăng mạnh mẽ, từ 51% năm 1989 lên tới 79% năm 1993 và giảm đi một chút còn 71% vào năm 1997.

Bảng 4. Mức độ đọc báo, xem tivi và nghe radio nơi cư dân nội thành thành phố Hồ Chí Minh từ 16 tuổi trở lên, so sánh các kết quả điều tra năm 1997 với năm 1989 và năm 1992

	Đọc báo		Xem ti vi			Nghe radio		
	1989	1997	1989	1993	1997	1989	1993	1997
- Hàng ngày	380	206	452	798	380	354	274	48
	42,5	38,6	51,0	78,5	71,3	39,9	26,9	9,0
- Mỗi tuần vài lần	263	154	208	135	75	203	171	71
	29,7	28,9	23,5	13,3	14,1	22,9	16,8	13,3
- Mỗi tháng vài lần	109	36	66	25	14	75	36	28

	12,3	6,8	7,4	2,5	2,6	8,5	3,5	5,3
- Hầu như không	135	134	161	59	60	255	536	385
	15,2	25,1	18,2	5,8	11,3	28,8	52,7	72,2
- Không trả lời	-	3	-	-	-	-	-	-
		0,6						
Tổng cộng	887	533	887	1017	533	887	1017	533
	100,0	100,0	100,0	100,0	100,0	100,0	100,0	100,0

*Nguồn số liệu:*

- Cuộc điều tra tháng 9 -1997: chỉ tính riêng ở nội thành
- Cuộc điều tra tháng 5 – 1989: Số liệu thống kê kết quả điều tra về “việc sử dụng thời gian nhàn rỗi và việc nghỉ ngơi giải trí của nhân dân thành phố Hồ Chí Minh”, do Viện Khoa học Xã hội tại thành phố Hồ Chí Minh phối hợp với Viện Quy hoạch thành phố Hồ Chí Minh tiến hành điều tra vào tháng 5 – 1989, với tổng số là 887 người từ 16 tuổi trở lên, phân bố tại 6 quận nội thành thành phố Hồ Chí Minh.
- Cuộc điều tra tháng 7 -1993: Số liệu thống kê kết quả cuộc điều tra về “đời sống văn hóa của cư dân thành phố Hồ Chí Minh”, do Sở Văn hóa và Thông tin thành phố Hồ Chí Minh phối hợp với Viện Khoa học Xã hội tại thành phố Hồ Chí Minh tiến hành điều tra vào tháng 7 – 1993 với tổng số mẫu là 1.640 người từ 16 tuổi trở lên, tại 9 phường, xã thuộc các quận 1, 10 và huyện Thủ Đức. Riêng bảng trên đây chỉ tổng hợp số liệu từ hai quận nội thành 1 và 10 với tổng số mẫu là 1.017 người.

## VI. Nhận định

1. Cuộc điều tra tháng 9 – 1997 cho phép chúng ta nhận định rằng đại đa số người dân thành phố đều có tiếp xúc khá thường xuyên với các phương tiện truyền thông đại chúng, 34% trong mẫu điều tra có đọc báo hàng ngày, 13% nghe đài phát thanh hàng ngày, và có tới 70% coi truyền hình hàng ngày. Nếu tính chung số người theo dõi một trong ba phương tiện truyền thông này “hàng ngày” lẫn “mỗi tuần vài lần”, thì tỉ lệ này lên tới 89% trong mẫu điều tra. Còn nếu tính riêng số người có theo dõi *hàng ngày* ít nhất một trong ba phương tiện truyền thông này, thì con số cũng lên tới 77%. Chỉ số 10% hoàn toàn không theo dõi bất cứ phương tiện truyền thông đại chúng nào.

Những dữ kiện đó chứng tỏ việc mua báo và đọc báo, nghe radio và coi truyền hình đã trở thành một *tập quán* sinh hoạt thông dụng trong đời sống thường nhật của người dân thành

phổ. Hàng ngày họ buộc phải dựa vào các phương tiện thông tin đại chúng để theo dõi tin tức, để giải trí, để học hỏi, mở mang kiến thức, để làm ăn buôn bán... Tờ báo, chiếc radio và chiếc tivi trở thành những thứ thân thuộc và chiếm một vị trí gần như *không thể thiếu* trong cuộc sống của mỗi người và mỗi gia đình.

Ngoài khía cạnh là những kênh cung cấp cho họ những chương trình sinh hoạt văn hóa và giải trí, các phương tiện truyền thông đại chúng còn là những *chỗ dựa* cho người dân thành phố vì giúp họ hiểu biết thời sự, giúp họ định vị được chỗ đứng của mình, xác lập được suy nghĩ của mình và định hướng hoạt động của mình trong cuộc sống và lao động – điều này đặc biệt có ý nghĩa ở một khu vực đô thị như thành phố Hồ Chí Minh, vốn là nơi mà những chuyển động kinh tế - xã hội diễn ra hàng ngày hết sức sôi động, đến mức khiến cho người dân có thể cảm thấy như mình bị lạch hậu nếu ngày nào đó không được đọc báo.

Hành vi theo dõi tin tức, thời sự trên báo, đài, như nhiều học giả đã nhận xét không phải chỉ là một hành vi nhằm hiểu biết tin tức, thời sự mà còn là một hình thái để người dân *duy trì mối liên hệ thường xuyên* với cộng đồng mà mình đang sống. Chúng ta thường nói rằng báo chí là một trong những thiết chế mang chức năng *xã hội hóa* của xã hội, nhưng chúng ta cũng không được quên rằng chính người dân cũng luôn luôn *chủ động* và *tự mình* tham gia vào quá trình xã hội hóa này

Có thể khẳng định rằng truyền thông đại chúng với tư cách là một bộ phận hữu cơ trong cuộc sống hàng ngày của người dân, đã thực sự là một thiết chế xã hội quan trọng đối với cư dân thành phố.

2. Chúng tôi cho rằng một trong những lý do quan trọng khiến công chúng theo dõi và tiếp cận các phương tiện truyền thông đại chúng ngày càng đông đảo hơn chính là *nhờ vào sự cải tiến và đổi mới của chính các phương tiện này* trong những năm qua. Người dân chỉ mua báo và đọc nhiều hơn, coi ti vi hay nghe radio nhiều hơn nếu tờ báo ngày càng hay hơn, các chương trình truyền hình và phát thanh hấp dẫn hơn. Giai đoạn chuyển mình của báo chí thành phố nói riêng và báo chí cả nước nói chung kể từ năm 1986 có một tầm quan trọng và ý nghĩa hết sức đặc biệt đối với công chúng. Đây rõ ràng là những phương tiện rất hữu hiệu trong nỗ lực nâng cao dân trí, phát triển ý thức dân chủ trong quảng đại người dân. Và điều quan trọng là những số liệu kết quả điều tra đã gián tiếp khẳng định rằng công chúng đã chấp nhận và ủng hộ công cuộc đổi mới này trong báo chí.
3. Việc so sánh kết quả điều tra năm 1997 với các cuộc điều tra năm 1989 và năm 1993 ở thành phố Hồ Chí Minh có thể cho phép chúng ta nêu lên giả thuyết về xu hướng phát

triển rất mạnh và thậm chí lấn lướt của việc coi tivi đối với việc nghe radio nơi các giới công chúng ở thành phố này trong một số năm gần đây.

Cuộc điều tra 9 – 1997 tại thành phố Hồ Chí Minh đã cho biết là bình quân mỗi hộ có tivi thường mở tivi 2 giờ 31 phút mỗi ngày, và tính trên toàn bộ mẫu điều tra thì mỗi cá nhân từ 16 tuổi trở lên coi tivi bình quân 1 giờ 15 phút mỗi ngày. Những con số này chưa phải là lớn. Nếu chúng ta so sánh chẳng hạn với thời lượng xem tivi nơi người Nhật từ 8 tuổi trở lên bình quân là 3 giờ 47 phút mỗi ngày vào năm 1996, hoặc nếu so với thời lượng mở tivi nơi các hộ gia đình ở Mỹ bình quân là 7 giờ 48 phút mỗi ngày cũng vào năm 1996<sup>(5)</sup>.

Chúng tôi nghĩ rằng, trong tương lai, thời lượng xem truyền hình của người dân thành phố sẽ còn tiếp tục gia tăng, chứ không dừng lại ở mức như hiện nay. Sở dĩ như vậy là vì, một mặt các đài truyền hình ở Việt Nam hiện đang còn có nhiều kế hoạch phát triển rộng rãi hơn nữa mặt khác một khi kinh tế tăng trưởng và đời sống cư dân khá lên thì người dân sẽ dành nhiều thời giờ hơn trước cái màn ảnh nhỏ trong gia đình

4. Trong xu thế thế giới hiện nay, quả là chúng ta cần nhanh chóng phát triển một ngành truyền thông nghe – nhìn quốc gia vững mạnh đặc biệt là lĩnh vực truyền hình. Tuy nhiên, theo thiên ý chúng tôi, chúng ta vẫn *cần tiếp tục chăm sóc và đầu tư hơn nữa cho các lĩnh vực báo in và đài phát thanh.*

*Báo in* là một kênh thông tin truyền thống, nghĩa là chủ yếu vẫn dựa trên chữ viết là chính nhưng chính vì nó dựa trên chữ viết nên nó vẫn là một kênh hết sức quan trọng trong quá trình nâng cao dân trí và văn hóa, góp phần đắc lực vào việc mở mang kiến thức và khả năng thông hiểu lý giải các vấn đề thời sự nơi các giới công chúng.

Còn về lĩnh vực *phát thanh*, chúng ta đã thấy qua các số liệu điều tra là có chiều hướng sút giảm trong vòng vài năm qua và tỷ lệ thính giả đài phát thanh ở thành phố Hồ Chí Minh hiện nay khá thấp (chỉ có 13% nghe radio hàng ngày); có lẽ tình hình này không xảy ra hoặc chưa xảy ra ở các địa phương khác. Đúng là ở thành phố Hồ Chí Minh, các phương tiện báo in và truyền hình đã và đang phát triển khá mạnh và được công chúng theo dõi với tỷ lệ đông hơn nhưng chúng tôi cho rằng việc chú ý chăm sóc và phát triển phương tiện phát thanh vẫn là điều cần thiết và thậm chí bức bách chứ không thể xem nhẹ. Mỗi phương tiện truyền thông đại chúng đều có những đặc điểm và lợi thế riêng nhưng đối với phương tiện phát thanh thì có thể nói hai thế mạnh nổi bật nhất và hơn hẳn báo in và truyền hình, đó là *khả năng thông tin nhanh nhất và tính chất tiện lợi* của nó<sup>(6)</sup>. (một cái radio dùng pin cầm tay có thể bỏ túi hoặc

<sup>5</sup> Xem International Herald Tribune, số ra ngày 10 – 3 – 1997, trang 2

<sup>6</sup> Những thế mạnh này cũng đã được Tổng Bí thư Ban chấp hành Trung ương Đảng Cộng sản Việt Nam Lê Khả Phiêu nhấn mạnh trong bài phát biểu tại Hội nghị cán bộ chủ chốt của Đài tiếng nói Việt Nam tại Hà Nội vào đầu tháng 3 – 1998. Ngoài việc nêu lên những yêu cầu và phương hướng hoạt động của Đài tiếng nói Việt Nam nói riêng và hệ thống các đài phát thanh của cả nước nói chung. Tổng Bí thư Lê Khả Phiêu cũng còn đề cập cả

đem đi đâu cũng được, và lại rẻ hơn nhiều so với một cái tivi). Và hai thế mạnh này không phải chỉ có ý nghĩa đối với cư dân nông thôn mà ngay cả cư dân thành thị.

Ở nhiều nước công nghiệp phát triển, số người nghe ra-đô hàng ngày vẫn chiếm tỷ lệ khá cao trong cư dân, chẳng hạn như ở Pháp là 75%, Đức 76%, Anh 87%, Ý 60%... Người ta nghe ở nhà, nghe trên xe hơi.... để theo dõi và cập nhật thường xuyên trong ngày các tin tức, thời sự đang diễn ra. Còn ở phần lớn các nước châu Phi thì tỷ lệ nghe radio cũng lên tới 70% (96% ở khu vực thành thị và 56% ở khu vực nông thôn), cao hơn cả tỷ lệ xem truyền hình<sup>(7)</sup>. So sánh với những con số này, chúng ta nhận thấy tỷ lệ nghe radio hàng ngày ở thành phố Hồ Chí Minh (13%) quả là quá thấp.

Các kết quả của cuộc điều tra tháng 9 – 1997 chưa đủ để khảo sát và phân tích sâu hơn về tính chất cũng như nguyên nhân của tình hình này. Do đó, chúng tôi cho rằng cần tiến hành một cuộc điều tra nghiên cứu chuyên sâu hơn về công chúng đài phát thanh nhằm góp phần vào việc củng cố và phát triển trở lại vị trí của phương tiện phát thanh trong đời sống văn hóa – tinh thần hàng ngày của người dân thành phố Hồ Chí Minh.

---

tới việc làm sao “khẩn trương tổ chức việc sản xuất radio với số lượng lớn, bảo đảm chất lượng, giá rẻ để đưa xuống tận hộ gia đình, nhất là vùng sâu, vùng xa...” Xem *Sài Gòn Giải phóng*, ngày 8 – 3 – 1998, tr.7

<sup>7</sup> Xem Nathalie Funés, “Qui écoute la radio? Une comparaison internationale”, trong Jean – Marie Charon, *L’état des médias*, Pari, La Découverte, Médiaspouvoirs, CFPJ, 1991, tr.196 – 202.